

NỘI DUNG ÔN BỔ SUNG MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

📌 Nội dung 1: Vấn đề tính tất yếu của Liên minh giai cấp (LMGC).

Nội dung của LMGC trong thời kì quá độ (**trang 98**) và liên hệ Việt Nam.

Khái niệm LMGC (**trang 93 – đầu trang 95**): LMGC, tầng lớp trong thời kì quá độ lên CNXH là sự liên kết, hợp tác, hỗ trợ nhau,... giữa các giai cấp, tầng lớp nhằm thực hiện nhu cầu và lợi ích của các chủ thể trong khối liên minh, đồng thời tạo động lực xây dựng thành công CNXH.

Liên hệ: - Hàng hóa của người nông dân Việt Nam còn phụ thuộc thị trường.

- Nhà nước có vai trò gì?

- Thực trạng liên minh hiện nay:

– Về *chính trị*, với mục tiêu đổi mới toàn diện vì chủ nghĩa xã hội, sự kết hợp lợi ích chính trị của các giai tầng trong xã hội đã được thực hiện từng bước. Quá trình giải quyết nhiệm vụ chiến lược gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội đã đáp ứng được nguyện vọng, lý tưởng của các giai tầng trong xã hội. Tuy nhiên, ở một số địa phương, do việc thực hiện chính sách của Nhà nước, nhất là chính sách về ruộng đất, chính sách khuyến nông không nghiêm đã làm nảy sinh một số “điểm nóng”, gây ảnh hưởng đến quan hệ nhà nước và nông dân.

– Về *kinh tế*, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI với việc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa trên cơ sở thực hiện ba chương trình: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, và thực hiện chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nội dung kinh tế của liên minh giai cấp đã từng bước được thực hiện. Song, cũng do nhận thức chưa đầy đủ về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, nên việc chăm lo hoàn thiện quan hệ sản xuất còn chưa tốt, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chưa thật sự đúng định hướng... quan hệ công – nông nghiệp chưa gắn bó; việc ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ còn chậm.

– Về *mặt xã hội*, từ Đại hội VI đến nay, với việc thực hiện chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người đã tạo nên động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, giải quyết đúng đắn sự kết hợp giữa lợi ích xã hội của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội, góp phần củng cố khối liên minh giai cấp thêm vững chắc. Tuy nhiên, trên lĩnh vực xã hội vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: sự phân hóa giàu nghèo, khoảng cách giữa nông thôn và thành thị ngày càng có xu hướng mở rộng; mặt trái của cơ chế thị trường có xu hướng phát triển, chưa bị ngăn chặn; việc thực hiện chế độ dân chủ, công khai, công bằng còn nhiều thiếu sót, lòng tin của nhân dân nói chung, nông dân nói riêng vào đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bị giảm sút.

- Quá trình thi công có tốt hay gặp vấn đề gì?

❏ Nội dung 2: Phân tích những đặc trưng cơ bản của CNXH (trang 51 – 56) và thực tiễn XHCN ở Việt Nam

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Cương lĩnh đã bổ sung và phát triển xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

****Nếu đề hỏi: Những đặc trưng bản chất của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay thì xem trang 61 – 63.**

❏ Nội dung 3: Cương lĩnh dân tộc của Lê-nin (trang 108 – 109), liên hệ chính sách của Đảng và Nhà nước ta (trang 111 – 113).

❏ Nội dung 4: Khái niệm XHCN, đặc trưng (bản chất) nền dân chủ XHCN (trang 73 – 76), quan niệm của Bác về XHCN (trang 69 – 70):

Quyền làm chủ của nhân dân là tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, dân là gốc, là chủ, dân làm chủ. Điều này đã được Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nước ta là nước dân chủ.

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều là của dân.

Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở dân”.

► Xã hội chủ nghĩa:

● Danh từ:

là một phương pháp điều hành nhà nước dựa trên lợi ích của đa số nhân dân, chủ nghĩa xã hội bao gồm chủ nghĩa xã hội thực chất và chủ nghĩa xã hội hình thức.

● Tính từ:

(thuộc) về chủ nghĩa xã hội, có tính chất của chủ nghĩa xã hội

► Chủ nghĩa xã hội:

● Danh từ:

là trào lưu tư tưởng, học thuyết chính trị trào lưu tư tưởng, học thuyết chính trị ra đời từ thế kỉ 16, 17. Lúc đầu mang tính chất không tưởng, nên gọi là CNXH không tưởng. Những năm 40 thế kỉ 19, Mác (K. Marx) và Ăngghen (F. Engels) đã tiếp thu những yếu tố lí luận của CNXH không tưởng, xây dựng học thuyết xã hội chủ nghĩa trên quan điểm duy vật lịch sử và lí luận về giá trị thặng dư, từ đó xác lập học thuyết về CNXH khoa học.

**CNXH là 1 trong 3 ý thức hệ chính trị lớn hình thành trong thế kỉ XIX bên cạnh CN tự do và CN bảo thủ. Không có định nghĩa rõ ràng về CNXH mà nó bao gồm 1 loạt các khuynh hướng chính trị từ các phong trào đấu tranh chính trị và các đảng công nhân có tinh thần cách mạng....

📖 **Nội dung 5: Thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam (trang 59 – 66). (nói thêm: trang 57 – 59).**

📖 **Nội dung 6: Đặc điểm dân tộc Việt Nam (trang 109 – 111), chính sách của Đảng và Nhà nước ta (trang 112 – 113).**

****Tính tất yếu của Liên minh giai cấp (LMGC):**

Xét dưới góc độ chính trị - xã hội, khẳng định tính tất yếu của LMGC,. ©. Mác đã chỉ rõ: chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất yếu khách quan phải thực hiện LMGC – đó là quy luật chung, phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, giai cấp nông dân là “người bạn đồng minh tự nhiên” của giai cấp công nhân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo

cho thắng lợi của cuộc cách mạng này cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng xã hội mới.

Vận dụng và phát triển sáng tạo quan điểm của. ©. Mác vào nước Nga, V.I.Lênin cũng chỉ ra rằng: “Nếu không liên minh với nông dân thì không thể có được chính quyền của giai cấp vô sản, không thể nghĩ được đến việc duy trì chính quyền đó. Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền nhà nước”.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp lao động khác vừa là lực lượng sản xuất cơ bản, vừa là lực lượng chính trị - xã hội to lớn. Nếu thực hiện tốt khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, trong đó trước hết là với trí thức thì không những cơ sở kinh tế vững mạnh mà chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa cũng ngày càng được củng cố vững chắc. Khẳng định vai trò của trí thức trong khối liên minh, V.I.Lênin viết: “Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được”.

Xét dưới góc độ kinh tế, LMGC, tầng lớp được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học – công nghệ... Mỗi lĩnh vực của nền kinh tế chỉ phát triển được khi gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau để cùng hướng tới phục vụ phát triển sản xuất và tạo thành nền cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất. Chính những biến đổi trong cơ cấu kinh tế này đã và đang từng bước tăng cường khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân.

Việc hình thành khối LMGC công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức cũng xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của họ nên các chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ tất yếu phải gắn bó, liên minh chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế chung của mình. Song quan hệ lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức cũng có những biểu hiện mới, phức tạp. Bên cạnh sự thống nhất về lợi ích kinh tế, xuất hiện những mâu thuẫn lợi ích ở những mức độ khác nhau. Điều này có ảnh hưởng nhất định đến sự đoàn kết, thống nhất của khối liên minh. Do vậy, quá trình thực hiện liên minh đồng thời là quá trình liên tục phát hiện ra mâu thuẫn và có giải pháp kịp thời, phù hợp để giải quyết mâu thuẫn nhằm tạo sự đồng thuận và tạo động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời tăng cường khối liên minh ngày càng bền chặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân.

****Vì sao GC công nhân có sứ mệnh lịch sử?** – nêu các điều kiện chủ quan/ khách quan: trang 33 – 36.

Bổ sung: Theo quan điểm duy vật lịch sử, sứ mệnh lịch sử của một giai cấp không phải do ý muốn chủ quan quy định mà trái lại, được quy định bởi những điều kiện khách quan của lịch sử; đồng thời cũng chính điều kiện lịch sử khách quan đó là cơ sở khách quan tạo cho giai cấp đó có được những đặc điểm chính trị - xã hội mang tính cách mạng có thể thực hiện được sứ mệnh lịch sử ấy.

Chứng minh:

Thứ nhất, theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội, nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội là sự phát triển của lực lượng sản xuất; trong đó, người lao động là lực lượng sản xuất hàng đầu. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa hay trong bất cứ một xã hội nào dựa trên sự phát triển của nền đại công nghiệp thì lực lượng sản xuất hàng đầu của nó vẫn là người công nhân. Chính người công nhân là đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của thời đại ngày nay; không có một giai cấp nào có thể thay thế địa vị đó.

Chú ý: ở đây là nói người công nhân với tư cách là sản phẩm của nền sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa; nó đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội hiện thời và xã hội tương lai.

Thứ hai, trong các giai cấp, tầng lớp xã hội đối lập (mâu thuẫn) giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp ở vào địa vị mâu thuẫn trực tiếp nhất và có tính đối kháng. Điều này khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp có tính cách mạng triệt để nhất trong cuộc đấu tranh chống lại ách thống trị, áp bức và bóc lột của giai cấp tư sản. Trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình và giải phóng toàn thể nhân dân lao động khỏi ách thống trị, áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản, giai cấp công nhân (với tư cách là giai cấp vô sản) không mất gì cả, ngoại trừ mất xiềng xích, còn nếu được thì được cả thế giới.

Thứ ba, xuất phát từ đặc điểm của nền sản xuất công nghiệp, nhất là nền công nghiệp hiện đại, khiến cho giai cấp công nhân có được tính tổ chức cao với kỷ luật chặt chẽ. Đồng thời, với sự phát triển mở rộng, có tính xã hội hoá cao của nền sản xuất công nghiệp khiến cho giai cấp công nhân có được mối quan hệ liên minh mang tính quốc tế của nó từ cơ sở của nền công nghiệp phát triển và nền kinh tế thị trường mở rộng có xu hướng quốc tế hoá. Mặt khác, đội ngũ của nó cũng không ngừng lớn mạnh nhờ quá trình phát triển của công nghiệp hoá ngày càng mở rộng trong phạm vi một quốc gia cũng như ở nhiều quốc gia khác nhau.

Thứ tư, giai cấp công nhân là giai cấp thuộc những người lao động, điều đó là cơ sở khách quan cho sự liên minh vững chắc và lâu dài giữa giai cấp công nhân với các giai cấp và tầng lớp lao động khác trong toàn xã hội, tạo thành lực lượng cách mạng của công cuộc cách mạng xoá bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, giai cấp công nhân là giai cấp có được hệ tư tưởng khoa học của nó - đó là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phân biệt dân chủ XHCN và dân chủ TS

	Dân chủ XHCN	Dân chủ TS
Mục đích	Dân chủ xã hội chủ nghĩa (XHCN) là nền dân chủ cho đại <u>đa số</u> nhân dân lao động, phục vụ lợi ích cho đại đa số.	Dân chủ tư sản (TS) là nền dân chủ cho thiểu số, phục vụ lợi ích cho <u>thiểu số</u> (giai cấp tư sản).
Bản chất	Là nền dân chủ mang <u>bản chất của giai cấp công nhân</u> , nhưng nó phục vụ cho đa số. Bởi vì lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc.	Mang <u>bản chất của giai cấp tư sản</u> , lợi ích của giai cấp tư sản đối lập với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
Cách thức	Dân chủ XHCN là nền dân chủ do ĐCS lãnh đạo, nhất nguyên về chính trị; thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền XHCN (thống nhất và phân công giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp).	Dân chủ tư sản do các đảng của giai cấp tư sản lãnh đạo, đa nguyên về chính trị; thực hiện thông qua nhà nước pháp quyền TS (tam quyền phân lập).
Cơ sở kinh tế	Dân chủ XHCN được thực hiện trên cơ sở kinh tế là <u>công hữu hóa các tư liệu sản xuất</u> chủ yếu.	Dân chủ tư sản được thực hiện trên cơ sở kinh tế là chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về TLSX (tư hữu hóa các TLSX) chủ yếu của toàn XH đó là chế độ áp bức bóc lột.



ÔN TẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

KHOA HỌC

Chương 1: Nhập môn	Trang
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học	
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học	
1.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội	7-8
1.1.2. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận	8-10
1.2. Vai trò của Các Mác và Phrیدrich Ăngghen	
1.2.1. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị	10
1.2.2. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen	11
1.2.3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học	11-12
2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học	
2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học	
2.1.1. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)	12-13
2.1.2. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895	13-14
2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới	
2.2.1. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga	14-15
2.2.2. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga	15-17
2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay	17-21
3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	
3.1. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học	21-23
3.2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học	23-24
3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	24-26
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	
1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân	
1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân	27-30
1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	
1.2.1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	30-31
1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	32-33
1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	
1.3.1. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	33-35
1.3.2. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử	35-36
2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay	
2.1. Giai cấp công nhân hiện nay	36-38
2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay	38-39
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam	
3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam	
3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	40-42
3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	42-44 44-46
Chương 3: CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH	
1. Chủ nghĩa xã hội	
1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN	48-49
1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội	50-51
1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội	51-56

2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	
2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	57-58
2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	58-59
3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa	59-61
3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	
3.2.1. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam	61-62
3.2.2. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	62-66

CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nội dung	Trang
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa	68-76
1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ	
1.1.1. Quan niệm về dân chủ	68-72
1.1.2. Sự ra đời, phát triển của dân chủ.	
1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	
1.2.1. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.	72-76
1.2.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa	
2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa	76-80
2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa	
2.1.1. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa	76-79
2.1.2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa	
2.1.3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa	
2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	79-80
3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	80-88
3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	
3.1.1. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	80-83
3.1.2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt nam	
3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	
3.2.1. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	83-85
- Đặc điểm cơ bản NNXHCNVN	
3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	
3.3.1. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	85-88
3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	

CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nội dung	Trang
1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	89-92
1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội	
- Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp	89-90
- Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội	
1.2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	
- mang tính quy luật sau đây:	90-92
+ một là.....	
+ hai là.....	
+ ba là.....	
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	93-95
- góc độ chính trị	
- góc độ kinh tế	93-95

3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	95-103
3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	95-97
3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	98-103
3.2.1. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
- Nội dung kinh tế của liên minh	
- Nội dung chính trị của liên minh	
- Nội dung văn hóa xã hội của liên minh	
3.2.2. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
- Một là.....	
- Hai là.....	
- Ba là.....	
- Bốn là.....	
- Năm là.....	

CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

Nội dung	Trang
1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	105 – 113
1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc.	105 – 109
- Khái niệm đặc trưng cơ bản của dân tộc.	
- Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc.	
- Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin.	
1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam.	109 – 113
- Đặc điểm dân tộc Việt Nam.	
1.2.2. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.	
- Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết quan hệ dân tộc.	
- Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.	
2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	113 – 121
2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo.	113 – 118
- Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo.	
2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	118 – 121
2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.	
- Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam.	
2.1.2. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo, hiện nay.	
3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.	121 – 127
3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.	121 – 124
3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.	124 – 127

CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

Nội dung	Trang
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình.	128 – 133
1.1. Khái niệm gia đình.	128 – 129
1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội. (3)	129 – 131
1.3. Chức năng cơ bản của gia đình. (4)	131 – 133
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	133 – 137
2.1. Cơ sở kinh tế – xã hội.	133 – 134
2.2. Cơ sở chính trị – xã hội.	134 – 135
2.3. Cơ sở văn hóa.	135
2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ.	135 – 137
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	137 – 143
3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	137 – 142

<ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi quy mô, kết cấu của gia đình. - Biến đổi các chức năng của gia đình. - Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng. - Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa). - Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm. - Sự biến đổi quan hệ gia đình. 	
3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. (4)	142 – 143

****Notes:**

- Đề thi gồm 2 câu, mỗi câu 5đ – thời gian thi là 75 phút – thi theo ngân hàng đề thi.
- Trình bày theo trình tự: Khái niệm => đặc điểm, tính chất.
- Ghi theo ý: -

-

-

=> Không trình bày dưới dạng bài văn hoặc bài tiểu luận.

- Làm xong 1 câu qua câu kế tiếp nhớ dẫn cách ra 3 – 4 dòng.

